

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN TRE  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HSST

Ngày: 16/9/2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Ngô Văn Trình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Hồ;

2. Ông Nguyễn Thanh Tùng.

**-Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Phương Yến là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà:** Ông Trương Phạm Duy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2021, các Thông báo dời ngày xét xử số 04/TB-TA ngày 19 tháng 7 năm 2021, số 16/TB-TA ngày 16 tháng 8 năm 2021 và số 29/TB-TA ngày 30 tháng 8 năm 2021, đối với bị cáo:

**Giang Ngọc T (LC, N)**, sinh năm 1973 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố A, Phường H, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 05/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Trần Văn H (đã chết) và bà Giang Thị Thủy T1 (đã chết); Vợ: Đỗ Thị C, sinh năm 1973 (đã ly hôn); Con: Có 01 người con, sinh năm 1999; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Năm 1991 bị Công an thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre) bắt cưỡng bức lao động 06 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản của công dân” (chấp hành xong tháng 01/1992), Bản án số 20 ngày 14/07/1992 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre) xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” (chấp hành xong bản án ngày 14/10/1992), Bản án số 53/HSST ngày 12/09/1996 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre) xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” (chấp hành xong bản án ngày 28/08/1997), Bản án số 158/HSST ngày 21/12/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến

Tre xử phạt 13 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân”, Bản án số 21/2005/HSST ngày 12/12/2005 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của Bản án số 158/HSST ngày 21/12/1999 buộc chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 năm 08 tháng 22 ngày (chấp hành xong bản án ngày 16/01/2014); Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/03/2021 cho đến nay. (Có mặt)

*\* Bị hại:*

Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1960;

Nơi cư trú: Khu phố A, Phường H, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Châu Văn Đ, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Ấp ATA, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Ông Trần Thành T2, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Khu phố D, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

*\* Người làm chứng:*

Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1968;

Nơi cư trú: Khu phố B, Phường H, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 25/03/2021, bị cáo Giang Ngọc T một mình đi bộ trên đường Nguyễn Văn Cánh hướng từ ngã tư Tú Điền về cầu Phú Dân thuộc phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Khi đi ngang nhà của ông Trần Thành T2 ở số khu phố D, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre thì bị cáo T phát hiện xe mô tô Airblade biển số 71S7-4816 của bà Nguyễn Thị Kim P (mẹ của ông T2) dựng trong nhà nhưng cửa chính không khóa và không có người trông coi, trên xe có 01 nón bảo hiểm Honda, màu hồng và còn chìa khóa gắn trên xe nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Để thực hiện ý định, bị cáo T lén lút đột nhập vào mở khóa lấy xe mô tô biển số 71S7-4816 của bà P chạy về nhà của bị cáo T ở Phường H, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Tại đây, bị cáo T lấy biển số 59N2-551.40 mà bị cáo đã nhặt trước đó gắn vào xe của bà P, còn biển số 71S7-4816 bị cáo ném bỏ tại khu đất trống thuộc khu phố A, Phường H, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Sau đó, bị cáo T đem xe mô tô vừa trộm được của bà P đến cầm cho Châu Văn Đ được 3.000.000 đồng, lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade, màu đen, biển số 59N2-551.40, số khung: RLHJF18077Y511908, số máy: JF18E-5011937 (do ông Đồng giao nộp).

- 01 biển số xe 71S7-4816 (do bị cáo T giao nộp).

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 451/KL-HĐĐG ngày 24/05/2021 của Hội đồng định giá thành phố Bến Tre kết luận:

- 01 xe mô tô biển số 71S7-4816, nhãn hiệu Honda, số loại AIRBLADE, màu đen, số khung: RLHJF18077Y511908, số máy: JF18E5011937, trị giá tài sản ngày 25/03/2021: 9.000.000 đồng.

- 01 nón bảo hiểm Honda, màu hồng, trị giá tài sản ngày 25/03/2021: 10.000 đồng (định giá trên hồ sơ).

Tại Bản cáo trạng số: 48/CT-VKSTPBT ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị:

- Về tội danh và hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s, khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo T từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt bổ sung: không áp dụng do bị cáo T không có thu nhập ổn định.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả lại cho bị hại P 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade, màu đen và biển số xe 71S7-4816, hiện bị hại P không có yêu cầu gì thêm.

+ Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đ không yêu cầu bị cáo T trả lại cho số tiền 3.000.000 đồng mà ông đã bỏ ra để nhận cầm xe mô tô biển số xe 71S7-4816.

+ Tịch thu, tiêu hủy 01 biển số xe 59N2-551.40 do không còn giá trị sử dụng.

- Đối với Châu Văn Đ khi nhận cầm xe mô tô biển số 71S7-4816 cho bị cáo T không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm.

- Bị cáo T khai nhận vào khoảng 20 giờ ngày 25/03/2021, bị cáo đi ngang nhà của ông T2 thì phát hiện xe mô tô Airblade biển số 71S7-4816 của bà P (mẹ của ông T2) dựng trong nhà nhưng cửa chính không khóa và không có người trông coi, trên xe có 01 nón bảo hiểm Honda, màu hồng và còn chìa khóa gắn trên xe nên bị cáo lén lút đột nhập vào mở khóa lấy xe mô tô biển số 71S7-4816 chạy về nhà của bị cáo. Tại đây, bị cáo lấy biển số 59N2-551.40 mà bị cáo đã nhặt trước

đó gắn vào xe của bà P, còn biển số 71S7-4816 bị cáo ném bỏ. Sau đó, bị cáo đem xe mô tô vừa trộm được của bà P đến cầm cho ông Đ được 3.000.000 đồng, lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Bị cáo đồng ý với kết quả định giá tài sản, không khiếu nại gì đối với các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, bị cáo T không có ý kiến, Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, vào khoảng 20 giờ ngày 25/03/2021, tại nhà thuộc khu phố D, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại P 01 xe mô tô biển số 71S7-4816, nhãn hiệu Honda, số loại AIRBLADE, màu đen, trị giá 9.000.000 đồng và 01 nón bảo hiểm Honda, màu hồng, trị giá 10.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo T chiếm đoạt của bị hại P là 9.010.000 đồng.

[3] Bị cáo T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ vụ lợi bị cáo đã cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại có giá trị 9.010.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo T phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu tài sản vắng mặt để thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày.

[5] Về nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo T có nhân thân xấu, đã bị bắt cưỡng bức lao động về hành vi “Trộm cắp tài sản của công dân”; bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, tội “Cướp tài sản của công dân” và tội “Cố ý gây thương tích”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo T được hưởng là phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, người phạm tội thành khẩn khai báo theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo T không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả lại cho bị hại P 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade, màu đen và biển số xe 71S7-4816.

Tịch thu, tiêu hủy 01 biển số xe 59N2-551.40 do không còn giá trị sử dụng.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận bị hại P đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade, màu đen và biển số xe 71S7-4816, hiện bị hại P không có yêu cầu gì thêm.

Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đ không yêu cầu bị cáo T trả lại cho số tiền 3.000.000 đồng mà ông đã bỏ ra để nhận cầm xe mô tô biển số xe 71S7-4816.

[9] Đối với Châu Văn Đ khi nhận cầm xe mô tô biển số 71S7-4816 cho bị cáo T, không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Bị cáo T khai nhận biển số xe 59N2-551.40 là do bị cáo nhặt được. Theo kết quả xác minh thì bà Nguyễn Mỹ T4 đứng tên đăng ký xe mô tô biển số 59N2-551.40 nhưng bà T4 xác nhận hiện bà vẫn đang sử dụng xe biển số này và không bị mất. Do đó, bà T4 không có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[10] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh; điều luật áp dụng; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo T phải nộp theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Giang Ngọc T (LC, N) phạm tội “Trộm cắp tài sản”

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Giang Ngọc T (LC, N) 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 30/03/2021.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Kim P 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade, màu đen và biển số xe 71S7-4816.

Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) biển số xe 59N2-551.40.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15/6/2021, hiện Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre đang quản lý)

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Ghi nhận bị hại Nguyễn Thị Kim P đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade, màu đen và biển số xe 71S7-4816, hiện bị hại Nguyễn Thị Kim P không có yêu cầu gì thêm.

Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Châu Văn Đ không yêu cầu bị cáo Giang Ngọc T (LC, N) trả lại cho số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng mà ông đã bỏ ra để nhận cầm xe mô tô biển số xe 71S7-4816.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Giang Ngọc T (LC, N) phải nộp là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND Phường H, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ (4b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Ngô Văn Trình**